TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2449/CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá Cung cấp vật tư khớp giãn nở lò hơi phục vụ BDĐK năm 2027 của NMNĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư khớp giãn nở lò hơi phục vụ BDĐK năm 2027 của NMNĐ Sông Hậu 1. Chi nhánh kính mời các Quý Nhà cung cấp có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp các chủng loại hàng hóa nêu trên quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
  - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.
  - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa về sớm nhất trước ngày 23/8/2027 và chậm nhất trước ngày 18/9/2027.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 15 h00 ngày 24/12/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
- Hình thức nhận báo giá: Các Nhà cung cấp gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý Nhà cung cấp như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm)* qua thư điện tử theo các địa chỉ Email: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; longh@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Ông Hoàng Long – Phòng Thương mại, Tel: 0943.698.689.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý Nhà cung cấp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐCN (để b/c);
- PGĐ H.Q.Thắng (e-copy);
- Lưu: VT, TM (HL).

Đính kèm:
- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Bùi Thị Thu Hương

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 960/CV-TM/2026

PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm Công văn số 2449/CNPĐ-TM ngày 26/11/2026)

Stt	Mã vật tư	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
		Tempering air duct to mixed		**ID 950x950**						
1	48151009		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 5) No: 1	5	PC	
2	49082011		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 5) No: 3	5	PC	
		Pri. Hot air duct AH outlet to mills		**ID 3100x3200**						
3	48151062		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 7) No: 1	2	PC	
4	42055017		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 7) No: 3	2	PC	
		Pri. Hot air duct to mills		**ID 2100x2100**						
5	48151219		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 9) No: 1	1	PC	
6	42055015		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 9) No: 3	1	PC	
7	48151220		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 10) No: 1	1	PC	
8	42055003		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 10) No: 3	1	PC	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 960/CV-TM/2026

Stt	Mã vật tư	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
		Pri. Mixed air duct to mills		**ID 1710x1710**						
9	48151200		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 11) No: 1	2	PC	
10	49082017		INSULATION	Size: MINERAL WOOL Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 11) No: 3	1	PC	
11	48151010		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 12) No: 1	2	PC	
12	42055004		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 12) No: 3	3	PC	
		Pri. Mixed air duct to mills inlet		**ID 1400x2200**						
13	48151012		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 13) No: 1	3	PC	
14	49082026		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 13) No: 3	3	PC	
		Sec. AH outlet air duct to winbox		**ID 4200x6600**						
15	48151221		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 14) No: 1	2	PC	
16	42055005		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 14) No: 3	2	PC	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 960/CV-TM/2026

Stt	Mã vật tư	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
		Sec. air crossover duct to windbox		**ID 2650x4350**						
17	48151222		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 15) No: 1	1	PC	
18	42055016		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 15) No: 3	1	PC	
		Sec. air duct to windbox		**ID 4350x4350**						
19	48151223		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 16) No: 1	2	PC	
20	42055007		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 16) No: 3	2	PC	
		Sec. air duct to Rear/Front OFA		**ID 1660x1810**						
21	48151224		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 17) No: 1	4	PC	
22	42055008		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 17) No: 3	4	PC	
		Sec. air duct to Rear OFA inlet		**ID 1660x1810**						
23	48151225		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 18) No: 1	4	PC	
24	42055001		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page:	4	PC	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 960/CV-TM/2026

Stt	Mã vật tư	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
							18) No: 3			
		Sec. air duct to Front windbox		**ID 1700x2230**						
25	48151226		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 20) No: 1	2	PC	
26	42055019		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 20) No: 3	2	PC	
		Sec. air duct to Front windbox inlet		**ID 1700x2230**						
27	48151227		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 21) No: 1	18	PC	
28	42055014		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 21) No: 3	18	PC	
		Gas duct ECO outlet to A.H		**ID 4600x9000**						
29	48151228		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 30) No: 1	2	PC	
30	42055013		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 30) No: 3	2	PC	
		Gas duct to A.H inlet		**ID 4600x11400**						
31	48151229		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page:	2	PC	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 960/CV-TM/2026

Stt	Mã vật tư	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
							31) No: 1			
32	42055018		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 31) No: 3	2	PC	
		Gas duct A.H outlet to ESP		**ID 4600x11400**						
33	48151230		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 32) No: 1	2	PC	
		Gas duct A.H to ESP		**ID 5300x5300**						
34	48151231		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 33) No: 1	2	PC	
		Gas duct A.H outlet to ESP inlet		**ID 3800x4000**						
35	48151232		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 34) No: 1	4	PC	
		Gas duct A.H outlet to ESP outlet		**ID 3800x4000**						
36	48151233		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 35) No: 1	4	PC	
		GAPH washing Duct		**ID 1200x3200**						
37	48151234		BELLOWS			Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 37) No: 1	2	PC	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 960/CV-TM/2026

Stt	Mã vật tư	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Mã vị trí/Bản vẽ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
38	42055002		INSULATION	Material: MINERAL		Châu Âu/G7/OECD	SH1-DHI-P0HLA-M-M01-DSU-0101 (Page: 37) No: 3	2	PC	

longh - 09:55 26/11/2026

PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 2449/CNPĐ-TM ngày 26 /11/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Cung cấp vật tư khớp giãn nở lò hơi phục vụ BDĐK năm 2027 của NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: ..... đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.
Đính kèm: Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

longh - 09:55 26/11/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 960/CV-TM/2026